

Bản án số: **09/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 28/6/2024

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và cấp dưỡng nuôi
con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Dung**

Bà **Đỗ Thị Tâm**

- Thư ký phiên tòa: ông **Đỗ Văn Trung Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **02/2023/TLST-HNGĐ** ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **09/2024/QĐXX-ST** ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: số F Hồ N, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ liên hệ: tổ A, khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: ông **Nguyễn Giang S**, sinh năm 1990;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số F Hồ N, khối phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở hiện nay: T - A - Kashimachou 481-3-masuesou C, Japan.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Giang S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số **83/2013**, quyển số 01, ngày 19/12/2013. Sau khi kết hôn, bà và ông Sơn s hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau, hiện nay ông S đang làm việc tại Nhật Bản, bà sống ở Việt Nam, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Giang S.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Bảo D, sinh ngày 26/4/2015. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và có yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi cháu D đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Giang S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông S thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian, điều kiện kết hôn và những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng giữa ông và bà T, khiến cho đời sống hôn nhân giữa ông và bà T không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông S đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 người con chung là cháu Nguyễn Văn Bảo D, sinh ngày 26/4/2015 như bà T trình bày là đúng. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và ông sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T, tuyên xử cho bà T và ông S được ly hôn.

Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Văn Bảo D, thì thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà T, ông S đều thỏa thuận thống nhất giao cháu D cho bà T nuôi dưỡng, đồng thời cháu D cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà T, nên đề

ngợi Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu D cho bà T nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án bà T và ông S thỏa thuận thống nhất về mức cấp dưỡng cho cháu Dương mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành, xét thấy việc thỏa thuận cấp dưỡng của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không trái với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà T và ông S. Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 14/9/2023, bà Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết cho bà được ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn với ông Nguyễn Giang S. Căn cứ Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*”. Do bị đơn ông Nguyễn Giang S hiện đang sống và làm việc tại Nhật Bản, nên căn cứ vào Điều 122, Khoản 2 Điều 123 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[1.2] Về việc hòa giải vụ án và sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 20/5/2024, bà Lê Thị T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Đồng thời ngày 29/5/2024, ông Nguyễn Giang S có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu không tiến hành hòa giải, nên căn cứ các khoản 2, 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên tòa, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Giang S đều vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị T và ông Nguyễn Giang S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Giang S tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2013, quyển số 01, ngày 19/12/2013. Hôn nhân của bà T và ông S là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng khi giải quyết vụ án. Theo bà T trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã, hiện nay ông S đang làm việc tại Nhật Bản, bà sống ở Việt Nam. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Giang S. Với yêu cầu của bà T ông S đồng ý ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân là dựa trên cơ sở tự nguyện của đôi bên, không ai được quyền ngăn cản hay ép buộc, hiện tại bà T và ông S không sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều thống nhất ly hôn, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Giang S đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Bảo D, sinh ngày 26/4/2015. Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Giang S đều thống nhất giao cháu D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành, đồng thời cháu D hiện nay đã trên 7 tuổi, cháu có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được sống cùng với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận nuôi con của bà T và ông S là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu D, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà T và ông S, giao cháu Nguyễn Văn B D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu D đủ 18 tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông S thỏa thuận thống nhất về mức cấp dưỡng cho cháu D với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành, xét thấy việc thỏa thuận cấp dưỡng của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà T và ông S. Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi trưởng thành.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Giang S không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bà

Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Nguyễn Giang S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, 81, 82, 83; 110, 116, 117 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Giang S về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị T** được ly hôn với ông **Nguyễn Giang S**.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cháu **Nguyễn Văn Bảo D**, sinh ngày 26/4/2015 cho bà Lê Thị T, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu D đủ 18 tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Giang S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Văn B D** mỗi tháng **3.000.000** đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi cháu Dương đủ 18 tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án **28/6/2024**.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số 0012127 ngày 09/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ.

3.2. Về án phí cấp dưỡng: buộc ông Nguyễn Giang S phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bà Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Ông Nguyễn Giang S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

